TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2019/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Văn Lẫm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Quang.

Bà Phạm Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2018/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2019/QĐXXST–DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1959.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã B, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1998.

Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã T, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/7/2019, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Vào ngày 19/7/2017 âm lịch bà có hỏi vay dùm cho bà Nguyễn Thị T và con gái bà T là Nguyễn Thị L1 số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 45.000 đồng/ngày/15.000.000 đồng, việc vay nợ bà T không có làm biên nhận nợ và cũng không thỏa thuận thời gian thanh toán. Số tiền bà hỏi dùm cho bà T, chị L1 là bà hỏi của bà Lê Thị Loan. Sau đó bà T có đóng lãi cho bà Loan được 20 ngày với số tiền 900.000 đồng và có làm biên nhận nợ với bà, bà T hứa khi nào hốt hụi sẽ trả nhưng đến nay bà T chưa trả vốn, lãi cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị L1 trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 19/7/2017 âm lịch đến nay.

Tại văn bản ngày 25/8/2018, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà thừa nhận có nhận số tiền 15.000.000 đồng của bà L nhưng đây là tiền nạp tài bà L đưa cho con bà là chị Nguyễn Thị L1 vì bà L mai mối cho chị L1 kết hôn với người nước ngoài. Sau khi nhận số tiền 15.000.000 đồng từ bà L thì bà và con gái là chị Nguyễn Thị L1 đã sử dụng hết số tiền này vào việc chuẩn bị cho đám cưới. Bà cho rằng đây là tiền nạp tài, không phải tiền vay nên bà không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Bà thừa nhận có trả lãi cho bà Loan 900.000 đồng nhưng số tiền trả lãi là bà L đưa cho bà đi gửi cho bà Loan. Bà không thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 19/7/2017 âm lịch nhưng bà không yêu cầu giám định chữ ký.

Tại văn bản ngày 02/4/2019 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 trình bày: Chị thừa nhận có nhận của bà L số tiền 15.000.000 đồng nhưng đây là tiền nạp tài, vì vậy bà L yêu cầu chị trả lãi phát sinh chị không đồng ý, chị đồng ý trả cho bà L số tiền 15.000.000 đồng nhưng trả 02 lần.

Tại văn bản ngày 23/5/2019 người làm chứng bà Nguyễn Thị Sảnh trình bày: Giữa bà với bà L, T có mối quan hệ bà con chú bác với chồng của bà. Vào thời gian nào bà không nhớ rõ tại tiệm tạp hóa của bà Loan bà có chứng kiến bà

L đưa tiền cho chị L1, sau đó chị L1 đưa lại toàn bộ số tiền cho bà T tại tiệm tạp hóa của bà Loan. Sau đó bà có nghe bà L nói là đi hỏi tiền của bà Loan dùm cho bà T để lo đám cưới cho chị L1. Bà có chứng kiến bà L đưa tiền cho chị L1 và chị L1 đưa lại cho bà T chứ không thấy bà Loan đưa tiền cho bà L. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 25/12/2018 người làm chứng bà Đồng Thị Hồng Mai trình bày: Bà không có bà con gì với bà L, T. Vào năm 2017 tại tiệm tạp hóa của bà Loan bà có gặp bà L thì bà L có nói với bà đi hỏi số tiền 15.000.000 đồng dùm cho bà T và chị L1 để làm đám cưới cho chị L1. Sau đó bà thấy bà Loan đưa cho chị L1 số tiền 15.000.000 đồng và chị L1 đưa lại cho bà T, bà T lấy 500.000 đồng trả tiền mua đồ tạp hóa cho bà Loan.

Tại văn bản ngày 09/7/2019 người làm chứng bà Lê Thị Loan trình bày: Vào năm 2017 bà L có đến nhà bà để hỏi vay số tiền 15.000.000 đồng, bà có nghe bà L nói là vay dùm cho bà T để làm đám cưới cho con bà T. Thời điểm vay tiền thì bà T và chị L1 cũng đứng tại tiệm tạp hóa của bà để mua đồ. Sau khi bà đưa tiền cho bà L thì bà L đưa lại cho bà T và chị L1. Sau khi vay 20 ngày thì bà có kêu bà L đóng lãi cho bà thì bà T có đến đóng lãi cho bà số tiền 900.000 đồng. Số tiền vay 15.000.000 đồng hiện nay bà L chưa trả cho bà nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Bà xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên toà sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nội dung vụ án:

Theo bà L trình bày: Vào ngày 19/7/2017 âm lịch nhằm ngày 09/9/2017 dương lịch bà có hỏi bà Loan để vay dùm cho bà Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị L1 là con bà T số tiền 15.000.000 đồng để làm đám cưới cho chị L1. Lãi suất thỏa thuận 45.000 đồng/15.000.000 đồng/ngày, việc vay nợ bà T có làm biên nhận nợ và bà T hứa khi hốt hụi sẽ trả cho bà L. Số nợ này bà T và chị L1 chưa trả vốn lãi, nay bà yêu cầu bà T, chị L1 trả số nợ 15.000.000 đồng và lãi suất theo quy định từ ngày 09/8/2017 đến nay. Bà T thừa nhận có nhận số tiền 15.000.000 đồng của bà L nhưng bà cho rằng đây là số tiền bà L nạp tài cho bà do bà L mai mối cho con của bà là chị L1 lấy chồng nước ngoài nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L. Còn chị L1 trình bày thừa nhận có nhận của bà L số tiền 15.000.000 đồng nhưng đây là tiền nạp tài, chị đồng ý trả số tiền 15.000.000 đồng cho bà L nhưng không đồng ý trả lãi và yêu cầu được trả 2 lần nhưng bà L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa bà L xác định vào ngày 09/8/2017 dương lịch bà có vay dùm cho bà T và con gái của bà T là chị L1 số tiền 15.000.000 đồng để bà T làm đám cưới cho con gái của bà là chị L1. Số tiền này bà vay của bà Loan sau đó đưa lại cho bà T ngay tiệm tạp hóa của bà Loan. Quá trình thu thập chứng cứ bà T và chị L1 thừa nhận có nhận của bà L số tiền 15.000.000 đồng nhưng bà T, chị L1 cho rằng số tiền 15.000.000 mà bà L đưa cho bà T, chị L1 là số tiền bà L nạp tài để làm lễ cưới chứ không phải số tiền vay. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T, chị L1 thừa nhận có nhận của bà L số tiền 15.000.000 đồng, bà T, chị L1 cho rằng đây là tiền nạp tài chứ không phải tiền

vay nhưng bà L không thừa nhận. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa chị L1 thừa nhận có nhận của bà L 15.000.000 đồng, khi nhận số tiền 15.000.000 đồng của bà L là nhận gần tiệm tạp hóa của bà Loan và bà Loan là người đưa tiền cho bà L sau đó bà L đưa lại toàn bộ số tiền này cho chị L1, sau đó chị L1 đưa lại cho mẹ chị là bà T. Như vậy bà L là người đứng ra hỏi bà Loan số tiền 15.000.000 đồng dùm cho bà T, chị L1. Người làm chứng Nguyễn Thị Sảnh, Đồng Thị Hồng Mai đều xác định có thấy bà L đưa tiền cho chị L1, sau đó chị L1 đưa tiền lại cho bà T. Đối với người làm chứng bà Lê Thị Loan trình bày sau khi nhận số tiền 15.000.000 đồng thì 20 ngày sau bà T có gặp bà đóng lãi số tiền là 900.000 đồng, bà T thừa nhận có đóng lãi cho bà Loan 900.000 đồng nhưng bà cho rằng đây là số tiền lãi bà L đưa cho bà để đóng cho bà Loan nhưng bà L không thừa nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng bà T, chị L1 thừa nhận có nhận của bà L 15.000.000 đồng nhưng bà T, chị L1 cho rằng đây là tiền nạp tài chứ không phải tiền vay nhưng bà không có gì chứng minh và bà L không thừa nhận. Bên cạnh đó nếu bà T, chị L1 cho rằng số tiền 15.000.000 bà L đưa là tiền nạp tài thì bà T đã không đóng lãi cho bà Loan. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định số tiền 15.000.000 đồng bà T, chị L1 nhận của bà L là tiền vay chứ không phải tiền nạp tài và buộc bà T, chị L1 có nghĩa vụ trả số tiền 15.000.000 đồng cho bà L.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi của bà L: Bà T, chị L1 vay số tiền 15.000.000 đồng ngày 09/9/2017 dương lịch, bà L xác định lãi suất là 45.000 đồng/ngày/15.000.000 đồng, bà T, chị L1 xác định là số tiền nạp không phải tiền vay và có tranh chấp về lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự áp dụng mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng.

[5] Bà T, chị L1 vay ngày 19/7/2017 âm lịch nhằm ngày 09/9/2017 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2019 là 23 tháng 11 ngày:

[5.1] 15.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 23 tháng 11 ngày = 2.909.150 đồng.

[5.2] Như vậy số tiền vốn lãi bà T, chị L1 có nghĩa vụ trả cho bà L là 17.909.150 đồng.

[5.3] Tại phiên tòa bà L, T thừa nhận bà T đã trả cho bà Loan số tiền lãi 900.000 đồng nên bà T, chị L1 có nghĩa vụ trả cho bà L 17.009.150 đồng.

[6] Đối với bà Lê Thị Loan nếu có tranh chấp với bà Bùi Thị L thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định;

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, 91, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Căn cứ: Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị L số tiền vốn lãi tổng cộng là 17.009.150 đồng (*mười bảy triệu không trăm lẻ chín ngàn một trăm năm mươi đồng*). Trong đó 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*) tiền vốn và 2.009.150 đồng (*hai triệu lẻ chín ngàn một trăm năm mươi đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Bùi Thị L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L1 phải chịu số tiền 850.457 đồng (*tám trăm năm chục ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng*).

Bà Bùi Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0019314 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 20/8/2019.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Văn Lẫm

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.